

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày: 08/6/2018

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đồng.
2. Bà Hoàng Thị Hằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Văn H, sinh năm 1946 và bà Lê Thị Hồng M, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà 116, đường Lê Duẩn, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Bà Lê Thị Hồng M ủy quyền cho ông Hà Văn H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 11/01/2018 – Ông Hai có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 168, đường Trần Hưng Đạo, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2018, tại các phiên hòa giải ngày 13/3/2018; ngày 26/4/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà Văn H trình bày:

Vào ngày 06/4/2016 vợ chồng ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M có cho bà Nguyễn Thị N mượn số tiền 365.000.000 đồng; thời hạn 06 tháng; lãi suất 2%/tháng. Ngày 12/5/2017 (nhằm ngày 17/4 âm lịch) bà Nguyễn Thị N có mượn thêm bà Lê Thị Hồng M số tiền 73.000.000 đồng. Ngày 13/5/2017 bà Nguyễn Thị N có trả 21.000.000 đồng và hẹn đến tết năm 2017 trả hết số tiền nợ còn lại. Đến hạn trả nợ ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M trực tiếp đến nhà bà Nguyễn Thị N để yêu cầu trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị N không trả. Vì vậy ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M khởi kiện đề

ngợi Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M số tiền cụ thể như sau:

- Tổng số tiền gốc cả hai lần bà N mượn là: 438.000.000 đồng; ngày 13/5/2017 bà N có trả 21.000.000 đồng. Số tiền gốc còn lại là: 417.000.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền gốc 365.000.000 đồng được tính như sau: $365.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 153.300.000 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi của số tiền 52.000.000 đồng được tính như sau: $52.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 4.160.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi cả hai lần là: 157.460.000 đồng

Tổng số tiền gốc và lãi ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả là: **574.460.000 đồng** (*năm trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tại bản trình bày ý kiến ngày 13/02/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N thừa nhận có vay của bà Lê Thị Hồng M số tiền 365.000.000 đồng; riêng số tiền 73.000.000 đồng trong đó có 40.000.000 đồng bà Nguyễn Thị N đứng ra vay cho bà Nguyễn Thị L, còn lại 01 cây vàng bà Lê Thị Hồng M bán cho bà Nguyễn Thị N số tiền 33.000.000 đồng, nhưng vì chồng bà Nguyễn Thị N không đồng ý nên sáng hôm sau bà Lê Thị Hồng M đi xe bà Nguyễn Thị N vào Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị N đã trả lại cho bà Lê Thị Hồng M số vàng đó. Lúc trả lại vàng bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Lê Thị Hồng M đưa lại giấy ghi tay mua vàng và giấy vay tiền của bà Nguyễn Thị L, nhưng bà Lê Thị Hồng M nói giấy đó bà bỏ tại nhà đó về nhà bà sẽ tự bỏ. Vì tin tưởng bà Lê Thị Hồng M nên bà Nguyễn Thị N đồng ý, nhưng không ngờ đến bây giờ Lê Thị Hồng M vẫn kiện bà Nguyễn Thị N số tiền 73.000.000 đồng nói trên.

Tại phiên hòa giải ngày 13/3/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 06/02/2016 (âm lịch) bà Nguyễn Thị N có vay vợ chồng ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M số tiền 300.000.000 đồng, đến ngày 06/11/2016 (âm lịch) tiền lãi 65.000.000 đồng, nên đã ghi vào giấy mượn tiền ngày 06/11/2016 số tiền là 365.000.000 đồng (trong đó 300.000.000 đồng tiền gốc; 65.000.000 đồng tiền lãi). Sau đó bà Nguyễn Thị N có trả 21.000.000 đồng, còn lại 344.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N chỉ thừa nhận số tiền nợ này. Riêng số tiền 73.000.000 đồng, trong đó bà Nguyễn Thị N có mượn cho bà Nguyễn Thị L (chị ruột của bà N) nay đã chuyển nợ sang cho bà Loan; bà Lê Thị Hồng M có bán cho bà Nguyễn Thị N 01 cây vàng 33.000.000 đồng tại nhà nghỉ Goodnight, hôm sau bà Lê Thị Hồng M đi Đà Nẵng trên xe của bà Nguyễn Thị N thì bà Nguyễn Thị N đã trả lại 01 cây vàng cho bà Lê Thị Hồng M, vậy nên số tiền 73.000.000 đồng hiện nay bà Nguyễn Thị N không còn nợ nữa. Việc bà Nguyễn Thị N trả lại vàng cho bà Lê Thị Hồng M có lái xe Bùi Thanh Hùng chứng kiến.

Tại phiên hòa giải ngày 26/4/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị N thừa nhận hiện nay còn nợ vợ chồng ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M khoản tiền vay lần 1 là 365.000.000 đồng (vay vào ngày 06/4/2016) và khoản tiền vay lần 2 là 73.000.000 đồng (vay vào ngày 12/5/2017 nhằm ngày 17/4 âm lịch), sau đó bà Nguyễn Thị N đã trả 21.000.000 đồng, còn lại 52.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc cả hai lần vay là

417.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên chưa có tiền để trả nợ; bà Nguyễn Thị N có nguyện vọng xin không trả tiền lãi, còn số tiền gốc xin được trả góp mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ gốc nói trên.

Tại phiên tòa ông Hà Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền vay lần 1 là 365.000.000; lãi suất 1%/tháng; thời hạn vay từ 06/4/2016 đến ngày 06/01/2018 là 21 tháng; tổng cộng tiền gốc và lãi lần 1 là 441.650.000 đồng và số tiền vay lần 2 là 52.000.000 đồng (73.000.000 đồng đã trả 21.000.000 đồng còn lại 52.000.000 đồng); lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 12/5/2017 (nhằm ngày 17/4 âm lịch) đến ngày 12/01/2018 là 8 tháng; tổng cộng tiền gốc và lãi lần 2 là 56.160.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N thừa nhận bà có nợ vợ chồng ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M số tiền vay lần 1 là 365.000.000 đồng; thời gian vay là ngày 06/4/2016 và khoản tiền vay lần 2 là 73.000.000 đồng; thời gian vay ngày 12/5/2017. sau đó đã trả 21.000.000 đồng còn lại 52.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc cả hai lần vay là 417.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N chấp nhận mức lãi suất như ông Hà Văn H yêu cầu nhưng bà Nguyễn Thị N nại ra hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chỉ xin trả tiền gốc, không trả tiền lãi; trả góp hàng tháng cho đến khi hết khoản nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại bản trình bày ý kiến ngày 13/02/2018 và tại phiên hòa giải ngày 13/3/2018 bà Nguyễn Thị N cho rằng số tiền 73.000.000 đồng hiện nay bà Nguyễn Thị N không còn nợ vợ chồng ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M nữa (trong số tiền nợ 73.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N đã chuyển nợ cho bà Nguyễn Thị L chi ruột của bà Nguyễn Thị N số tiền 40.000.000 đồng; 01 cây vàng trị giá 33.000.000 đồng bà Nguyễn Thị N đã trả lại cho bà Lê Thị Hồng M khi bà Lê Thị Hồng M đi Đà Nẵng trên xe của bà Nguyễn Thị N, có lái xe Bùi Thanh Hùng chứng kiến). Ngày 10/4/2018, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị có công văn số 50/CV-TA đề nghị bà Nguyễn Thị N cung cấp chứng cứ về việc bà Nguyễn Thị N cho rằng đã chuyển nợ cho bà Nguyễn Thị L và số vàng trả cho bà Lê Thị Hồng M như bà Nguyễn Thị N trình bày đồng thời yêu cầu đưa những người nào vào tham gia tố tụng. Hết thời hạn do Tòa án ấn định bà Nguyễn Thị N không cung cấp được chứng cứ và cũng không có đề nghị đưa ai vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án thấy không cần thiết đưa thêm người vào tham gia tố tụng.

Ngày 06/4/2016 ông Hà Văn H có cho bà Nguyễn Thị N mượn số tiền 365.000.000 đồng; thời hạn 06 tháng; lãi suất 2%/tháng. Ngày 12/5/2017 (nhằm ngày 17/4 âm lịch) bà Nguyễn Thị N có mượn bà Lê Thị Hồng M số tiền 73.000.000 đồng. Ngày 13/5/2017 bà Nguyễn Thị N có trả 21.000.000 đồng và hẹn đến tết năm 2017 trả

hết số tiền nợ còn lại. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông Hà Văn H trực tiếp đến nhà bà Nguyễn Thị N để yêu cầu trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị N không trả, nên ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả nợ cho ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M, là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 154 Bộ luật dân sự)

[2] Về nội dung: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 06/4/2016 ông Hà Văn H có cho bà Nguyễn Thị N mượn số tiền 365.000.000 đồng; thời hạn 06 tháng; lãi suất 2%/tháng. Ngày 12/5/2017 (nhằm ngày 17/4 âm lịch) bà Nguyễn Thị N có mượn bà Lê Thị Hồng M số tiền 73.000.000 đồng. Ngày 13/5/2017 bà Nguyễn Thị N có trả Hai 21.000.000 đồng và hẹn đến tết năm 2017 trả hết số tiền nợ còn lại. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N công nhận có nợ vợ chồng ông Hà Văn H khoản tiền vay lần 1 ngày 06/4/2016 với số tiền 365.000.000 đồng; thời hạn 06 tháng; lãi suất 2%/tháng. Lần 2 ngày 12/5/2017 (nhằm ngày 17/4 âm lịch) với số tiền 73.000.000 đồng, ngày 13/5/2017 bà Nguyễn Thị N có trả 21.000.000 đồng, còn lại 52.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc cả hai lần vay là 417.000.000 đồng như ông Hai trình bày. Thấy rằng việc vay nợ là có thật, quá trình vay hai bên có lập giấy vay tiền, các bên đều tự thỏa thuận về số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn trả nợ. Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Xét về nguyên tắc thực hiện hợp đồng: Tại giấy mượn tiền đề ngày 06/4/2016 và ngày 17/4 âm lịch (nhằm ngày 12/5/2017), hai bên có thỏa thuận số tiền vay, lãi suất vay và thời hạn vay. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ bà Nguyễn Thị N đã không trả tiền cho ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M như thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền (Điều 280 Bộ luật dân sự). Bà Nguyễn Thị N đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết vào ngày 06/4/2016 và ngày 12/5/2017 (nhằm ngày 17/4 âm lịch). Bà Nguyễn Thị N cũng công nhận bà có vay ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M số tiền gốc cả hai lần vay là 417.000.000 đồng. Thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M là có cơ sở cần chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M số tiền gốc cả hai lần vay là 417.000.000 đồng.

Về lãi suất: Đối với khoản vay lần 1 tại giấy mượn tiền đề ngày 06/4/2016 số tiền 365.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận 2%/tháng; đối với khoản vay lần hai số tiền 73.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa ông Hà Văn H yêu cầu lãi suất cả hai khoản tiền vay là 1%/tháng, bà Nguyễn Thị N cũng đồng ý với mức lãi suất và số tiền lãi như ông Hà Văn H yêu cầu, nhưng nại ra hoàn cảnh gia đình khó khăn và xin không trả lãi suất, phía ông Hai không đồng ý. Thấy rằng lãi suất do các bên thỏa thuận, tại phiên tòa ông Hà Văn H yêu cầu lãi suất 1%/tháng trên cả hai khoản tiền vay là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận mức lãi suất như ông Hà Văn H yêu cầu như sau:

- Khoản tiền vay lần 1: số tiền 365.000.000 đồng tiền gốc; thời gian vay từ 06/4/2016; lãi suất 1%/tháng tính từ ngày vay 06/4/2016 đến ngày 06/01/2018:

$365.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 76.650.000 \text{ đồng}$

- Khoản tiền vay lần 2: Số tiền 73.000.000; thời gian vay ngày 12/5/2017 (nhằm ngày 17/4 âm lịch), đã trả 21.000.000 đồng; số tiền gốc còn lại là 52.000.000 đồng; lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 12/5/2017 đến ngày 12/01/2018 :

$52.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 4.160.000 \text{ đồng}$

Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M tổng số tiền gốc và lãi của hai khoản vay là: 497.810.000 đồng

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M: Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M các khoản tiền như sau:

- Khoản tiền vay lần 1:

Tiền gốc 365.000.000 đồng (thời hạn vay tính từ ngày 06/4/2016 đến 06/01/2018).

Tiền lãi: $365.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 76.650.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng tiền gốc và lãi lần vay thứ 1: $365.000.000 \text{ đồng} + 76.650.000 \text{ đồng} = 441.650.000 \text{ đồng}$

- Khoản tiền vay lần 2:

Tiền gốc 52.000.000 đồng (vay 73.000.000 đồng đã trả 21.000.000 đồng còn lại 52.000.000 đồng (thời hạn vay tính từ ngày 12/5/2017 (nhằm ngày 17/4/âm lịch) đến ngày 12/01/2018.

Tiền lãi: $52.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 4.160.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng tiền gốc và lãi lần vay thứ 2: $52.000.000 \text{ đồng} + 4.160.000 \text{ đồng} = 56.160.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi cả hai khoản tiền vay buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M là: 497.810.000 đồng (bốn trăm chín mươi bảy triệu tám trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền nói trên thì hành tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1

Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 23.912.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Hà Văn H và bà Lê Thị Hồng M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.489.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00482 ngày 31/01/2018.

Nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Mai Thị Thu Hà